ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:324 /KH-UBND	*Kim Thành, ngày* 06 *tháng* 11 *năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026–2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Kim Thành

Thực hiện Kế hoạch số 431/KH-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026–2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân xã Kim Thành ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt và cụ thể hóa nhiệm của xã về phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, lựa chọn nội dung phù hợp với điều kiện sản xuất, nguồn lực và khả năng tổ chức thực hiện của xã Kim Thành; ưu tiên ứng dụng, tiếp nhận và nhân rộng các sản phẩm, quy trình công nghệ sinh học đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Từng bước nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị nông sản; giảm sử dụng đầu vào hóa học không cần thiết; thúc đẩy sản xuất nông nghiệp an toàn, tuần hoàn, thân thiện với môi trường; tăng hiệu quả xử lý phụ phẩm, chất thải nông nghiệp, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Yêu cầu

Triển khai có trọng tâm, thiết thực, không dàn trải; lồng ghép với kế hoạch sản xuất nông nghiệp, bảo vệ thực vật, chăn nuôi - thú y, thủy sản, khuyến nông, bảo vệ môi trường, thu gom chất thải và xây dựng nông thôn mới đang thực hiện trên địa bàn.

Phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và sản phẩm đầu ra; tăng cường phối hợp giữa Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã, các thôn, Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Kim Thành, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và người dân. Không tự tổ chức sản xuất, kinh doanh hoặc sử dụng chế phẩm, giống, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật chưa đáp ứng quy định chuyên ngành.

Ưu tiên mô hình có hiệu quả thực tế, chi phí hợp lý, dễ áp dụng và có khả năng nhân rộng; kinh phí thực hiện phải được lập, thẩm định, bố trí và quản lý theo quy định, phù hợp khả năng cân đối ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khuyến khích ứng dụng công nghệ sinh học phù hợp trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và bảo vệ môi trường; hình thành nhận thức, kỹ năng và phương thức tổ chức sản xuất theo hướng an toàn, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và

kinh tế tuần hoàn. Từng bước kết nối người sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp với cơ quan chuyên môn, đơn vị khuyến nông và tổ chức khoa học - công nghệ để tiếp nhận, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026–2030

– Rà soát hiện trạng sản xuất, nhu cầu ứng dụng công nghệ sinh học và khả năng tham gia của hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, trang trại, cơ sở sơ chế, kinh doanh nông sản trên địa bàn.

– Tuyên truyền, tập huấn và hướng dẫn người dân lựa chọn giống phù hợp, sử dụng phân bón hữu cơ/vi sinh, chế phẩm sinh học trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản và xử lý chất thải theo hướng dẫn chuyên môn.

– Khuyến khích xây dựng hoặc tham gia mô hình trình diễn phù hợp như sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý phụ phẩm, chất thải chăn nuôi; quản lý dịch hại tổng hợp kết hợp biện pháp sinh học; cải thiện chất lượng đất và giảm tồn dư bao bì, chất thải nông nghiệp.

– Lồng ghép nội dung ứng dụng công nghệ sinh học với kế hoạch sản xuất vụ, chương trình khuyến nông, bảo vệ môi trường, phát triển hợp tác xã và xây dựng nông thôn mới; theo dõi, đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường trước khi đề xuất nhân rộng.

b) Giai đoạn 2031–2035

Tiếp tục nhân rộng các mô hình đã được đánh giá có hiệu quả; tăng cường liên kết giữa hợp tác xã, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cung ứng sản phẩm công nghệ sinh học và đơn vị chuyên môn; thúc đẩy truy xuất nguồn gốc, nâng cao chất lượng, bảo quản và tiêu thụ nông sản gắn với quy trình sản xuất an toàn.

c) Tầm nhìn đến năm 2045

Ứng dụng công nghệ sinh học trở thành một trong những giải pháp thường xuyên trong phát triển nông nghiệp hiện đại, quản lý chất thải và bảo vệ môi trường tại xã; các mô hình phù hợp được duy trì, hoàn thiện và kết nối với chuỗi giá trị nông sản của thành phố.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát nhu cầu, lựa chọn lĩnh vực ưu tiên

Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã, HTX Dịch vụ nông nghiệp Kim Thành và các thôn rà soát diện tích, cây trồng, vật nuôi, vùng sản xuất, cơ sở chăn nuôi, nuôi thủy sản, hoạt động sơ chế nông sản và các điểm phát sinh phụ phẩm, chất thải nông nghiệp. Tổng hợp nhu cầu về giống, phân bón hữu cơ/vi sinh, chế phẩm sinh học, xử lý môi trường và tập huấn kỹ thuật.

Căn cứ kết quả rà soát, lựa chọn nội dung có khả năng áp dụng ngay, phù hợp quy mô sản xuất của xã;

2. Ứng dụng trong trồng trọt và bảo vệ thực vật

Hướng dẫn hợp tác xã và người sản xuất sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, phù hợp lịch thời vụ và điều kiện đồng ruộng; áp dụng quy trình canh tác an toàn, quản lý dịch hại tổng hợp, bảo vệ thiên địch và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học được phép lưu hành theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Khuyến khích sử dụng phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh và chế phẩm cải tạo đất có chất lượng, đúng hướng dẫn; thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đúng nơi quy định; xử lý rơm rạ, phụ phẩm cây trồng theo phương pháp phù hợp, hạn chế đốt ngoài đồng gây ô nhiễm môi trường.

3. Ứng dụng trong chăn nuôi, thú y và thủy sản

Tuyên truyền, hướng dẫn cơ sở chăn nuôi thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc, an toàn sinh học; sử dụng chế phẩm xử lý chất thải, đệm lót sinh học hoặc giải pháp phù hợp khác khi đáp ứng điều kiện kỹ thuật và môi trường. Việc sử dụng vắc-xin, thuốc thú y, chế phẩm và sinh phẩm chẩn đoán phải theo quy định chuyên ngành, hướng dẫn của cơ quan thú y và người có chuyên môn.

Đối với nuôi thủy sản, khuyến khích áp dụng quy trình quản lý chất lượng nước, sử dụng chế phẩm sinh học được phép lưu hành theo đúng hướng dẫn; không lạm dụng hóa chất, kháng sinh; chủ động theo dõi môi trường, phát hiện và thông báo kịp thời dấu hiệu dịch bệnh cho cơ quan chuyên môn.

4. Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường và kinh tế tuần hoàn

Rà soát các nguồn phụ phẩm, chất thải phát sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế nông sản và sinh hoạt nông thôn; hướng dẫn phân loại, thu gom, tái sử dụng hoặc xử lý theo quy định. Khuyến khích mô hình tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm phân hữu cơ, sử dụng chế phẩm sinh học xử lý mùi và chất thải tại cơ sở đủ điều kiện; không thay thế các yêu cầu bắt buộc về thu gom, xử lý chất thải bằng việc sử dụng chế phẩm.

Lồng ghép nội dung này với công tác vệ sinh môi trường, tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, kiểm tra cơ sở sản xuất và tuyên truyền không xả thải trực tiếp ra kênh mương, ao hồ, hệ thống thủy lợi.

5. Tập huấn, thông tin tuyên truyền và chuyển giao kỹ thuật

Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở, hội nghị thôn và các lớp tập huấn khuyến nông. Nội dung tập trung vào lợi ích, điều kiện sử dụng, cách lựa chọn sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, liều lượng và quy trình áp dụng; nhận diện quảng cáo sai lệch, sản phẩm không rõ chất lượng và nguy cơ sử dụng sai hướng dẫn.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị khuyến nông, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp và nhà cung cấp đủ điều kiện để tiếp nhận tài liệu, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật. Ưu tiên phương pháp "cầm tay chỉ việc", trình diễn tại đồng ruộng hoặc cơ sở sản xuất khi có điều kiện.

6. Hỗ trợ hợp tác xã, cơ sở sản xuất và kết nối thị trường

Khuyến khích HTX Dịch vụ nông nghiệp Kim Thành làm đầu mối khảo sát nhu cầu, kết nối nhà cung cấp vật tư và chế phẩm sinh học hợp pháp, tổ chức hướng dẫn kỹ thuật và tổng hợp phản hồi của thành viên. Khuyến khích cơ sở sản xuất, sơ chế, kinh doanh nông sản áp dụng giải pháp sinh học trong bảo quản, xử lý phụ phẩm và kiểm soát chất lượng khi phù hợp.

Từng bước gắn ứng dụng công nghệ sinh học với ghi chép nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc, liên kết tiêu thụ, xây dựng sản phẩm hàng hóa và các chương trình phát triển kinh tế nông thôn. Việc hỗ trợ phải căn cứ chương trình, chính sách

hiện hành và điều kiện thực tế, không cam kết hỗ trợ kinh phí khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Theo dõi, đánh giá và cập nhật dữ liệu

Thiết lập danh mục mô hình, tổ chức/cá nhân tham gia, loại sản phẩm hoặc quy trình áp dụng, quy mô, chi phí, kết quả và khó khăn. Đánh giá theo các tiêu chí thiết thực: hiệu quả sản xuất, mức giảm chi phí hoặc đầu vào, chất lượng sản phẩm, mức độ giảm mùi/chất thải và khả năng duy trì, nhân rộng. Cập nhật thông tin theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn cấp thành phố.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Năm 2026: Phổ biến Kế hoạch; rà soát nhu cầu, hiện trạng và mô hình có thể triển khai; xác định đầu mối phụ trách, lập danh mục nội dung ưu tiên và tổng hợp đề xuất gửi cơ quan chuyên môn thành phố khi cần hỗ trợ.

2. Giai đoạn 2027–2030: Tổ chức tập huấn hằng năm; lựa chọn, phối hợp triển khai mô hình trình diễn theo khả năng nguồn lực; sơ kết, đánh giá hiệu quả, điều chỉnh và nhân rộng mô hình phù hợp; lồng ghép với kế hoạch sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường.

3. Giai đoạn 2031–2035: Tiếp tục mở rộng mô hình có hiệu quả; củng cố liên kết hợp tác xã – người sản xuất – doanh nghiệp – đơn vị chuyên môn; cập nhật công nghệ, quy trình mới và tổng kết giai đoạn.

4. Tầm nhìn đến năm 2045: Duy trì ứng dụng phù hợp với tiến bộ khoa học, nhu cầu sản xuất và các chương trình phát triển nông nghiệp, môi trường của thành phố.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách xã theo phân cấp và khả năng cân đối, nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch có liên quan, nguồn hỗ trợ của thành phố và các nguồn huy động hợp pháp khác. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ.

Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, Phòng Kinh tế phối hợp bộ phận có liên quan xây dựng nội dung, dự toán kinh phí (*nếu có*), báo cáo UBND xã xem xét theo quy định. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức và quy định pháp luật; ưu tiên tập huấn, mô hình có khả năng nhân rộng, không đầu tư dàn trải.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã: Là đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức triển khai Kế hoạch; chủ trì rà soát nhu cầu, tổng hợp danh mục lĩnh vực/mô hình ưu tiên; hướng dẫn lồng ghép với kế hoạch sản xuất nông nghiệp, khuyến nông, bảo vệ thực vật, chăn nuôi - thú y, thủy sản, thủy lợi và xây dựng nông thôn mới. Phối hợp cơ quan chuyên môn thành phố tiếp nhận hướng dẫn kỹ thuật; theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả và tham mưu báo cáo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã: Phối hợp tuyên truyền, phổ biến tiến bộ kỹ thuật; hỗ trợ tổ chức tập huấn, trình diễn và hướng dẫn thực hành theo chuyên môn, nhiệm vụ được giao; phối hợp thu thập thông tin về tình hình áp dụng, hiệu quả và khó khăn tại cơ sở.

3. HTX Dịch vụ nông nghiệp Kim Thành: Thông tin đến thành viên và người sản xuất về nội dung Kế hoạch; khảo sát nhu cầu, phối hợp lựa chọn mô hình phù hợp; hướng dẫn sử dụng vật tư, chế phẩm đúng quy định và quy trình kỹ thuật; tổng hợp phản ánh của người dân, phối hợp đánh giá hiệu quả và đề xuất nhân rộng.

4. Các thôn: Tuyên truyền đến hộ dân, cơ sở sản xuất; phối hợp rà soát nhu cầu, mô hình và các điểm phát sinh chất thải nông nghiệp; vận động người dân áp dụng biện pháp sản xuất an toàn, thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật, không xả chất thải ra môi trường; phản ánh kịp thời khó khăn, vi phạm và nhu cầu hỗ trợ về UBND xã.

5. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh và người dân: Chủ động tìm hiểu, áp dụng sản phẩm và quy trình công nghệ sinh học phù hợp; sử dụng sản phẩm có nguồn gốc, nhãn hàng hóa và hướng dẫn rõ ràng, đáp ứng quy định chuyên ngành; tuân thủ yêu cầu an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và báo cáo khi phát hiện dịch bệnh hoặc sự cố môi trường.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội: Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia các mô hình sản xuất an toàn, giảm chất thải, bảo vệ môi trường; giám sát việc thực hiện ở cộng đồng và phản ánh kiến nghị của người dân.

7. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các thôn, HTX và đơn vị liên quan gửi kết quả thực hiện về Phòng Kinh tế xã trước ngày 10 tháng 11 hằng năm hoặc theo yêu cầu.

- Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo UBND thành phố và Sở Nông nghiệp và Môi trường theo yêu cầu, thời hạn và biểu mẫu hướng dẫn.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các thôn và tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về UBND xã (*qua Phòng Kinh tế*) để tổng hợp, xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố Hải Phòng (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị, các thôn;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Huấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(*Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Kim Thành)*

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
1	Rà soát hiện trạng, nhu cầu ứng dụng công nghệ sinh học; lập danh mục mô hình/lĩnh vực ưu tiên	Phòng Kinh tế	Trung tâm DV sự nghiệp công xã, HTX, các thôn	Quý IV/2026; cập nhật hằng năm	Bảng rà soát, danh mục ưu tiên
2	Tuyên truyền về sản phẩm, quy trình sinh học an toàn; lồng ghép trong hội nghị thôn và sinh hoạt HTX	Phòng Kinh tế	Trung tâm DV sự nghiệp công xã, MTTQ, đoàn thể, các thôn	Hằng năm	Tin/bài, tài liệu, số lượt tuyên truyền
3	Tập huấn sử dụng phân hữu cơ/vi sinh, chế phẩm sinh học, quản lý dịch hại tổng hợp và an toàn sinh học	Trung tâm DV sự nghiệp công xã	Phòng Kinh tế, HTX, đơn vị chuyên môn thành phố	Hằng năm, theo nhu cầu	Lớp tập huấn, danh sách tham dự
4	Khảo sát, đề xuất mô hình xử lý phụ phẩm/chất thải nông nghiệp bằng giải pháp phù hợp	Phòng Kinh tế	Trung tâm DV sự nghiệp công xã, HTX, thôn, cơ sở sản xuất	2027–2030	Đề xuất mô hình; đánh giá hiệu quả
5	Khuyến khích ứng dụng giải pháp sinh học trong trồng trọt, chăn nuôi, thú y, thủy sản theo hướng dẫn chuyên môn	HTX Dịch vụ nông nghiệp Kim Thành	Phòng Kinh tế, Trung tâm DV sự nghiệp công xã, các thôn	Hằng năm	Hộ/cơ sở áp dụng; thông tin phản hồi
6	Lồng ghép công nghệ sinh học với môi trường, thu gom bao gói thuốc BVTV, xử lý phụ phẩm và xây dựng NTM	Các thôn	Phòng Kinh tế, HTX, MTTQ và đoàn thể	Thường xuyên	Kết quả tuyên truyền, kiểm tra, vận động
7	Tổng hợp kết quả, khó khăn, nhu cầu hỗ trợ và báo cáo cấp có thẩm quyền	Phòng Kinh tế	Các đơn vị, HTX, các thôn	Trước 10/11 hằng năm hoặc theo yêu cầu	Báo cáo kết quả thực hiện